

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SÔNG HỒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý I năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012

Đơn vị: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/03/2012	01/01/2012
	Tài sản			
100	A Tài sản ngắn hạn		331,960,259,049	314,862,965,663
110	I Tiền và các khoản tương đương tiền		11,043,551,903	19,577,097,783
111	1 Tiền	3	5,043,551,903	6,577,097,783
112	2 Các khoản tương đương tiền		6,000,000,000	13,000,000,000
120	II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		56,630,000,000	54,320,000,000
121	1 Đầu tư ngắn hạn	4	72,490,000,000	70,180,000,000
129	2 Dự phòng giảm giá C.khoản đầu tư ngắn hạn (*)		(15,860,000,000)	(15,860,000,000)
130	III Các khoản phải thu ngắn hạn		97,225,136,935	76,560,533,407
131	1 Phải thu của khách hàng		61,149,924,894	44,224,128,067
132	2 Trả trước cho người bán		23,830,687,503	20,457,041,010
135	5 Các khoản phải thu khác	5	12,573,918,288	12,208,758,080
139	6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(329,393,750)	(329,393,750)
140	IV Hàng tồn kho		151,335,792,606	148,316,712,792
141	1 Hàng tồn kho.	6	151,335,792,606	148,316,712,792
149	2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V Tài sản ngắn hạn khác		15,725,777,605	16,088,621,681
151	1 Chi phí trả trước ngắn hạn		302,771,080	244,547,444
152	2 Thuế GTGT được khấu trừ		4,947,323,727	4,600,946,617
153	3 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	797,444,822
158	4 Tài sản ngắn hạn khác		10,475,682,798	10,445,682,798
200	B Tài sản dài hạn		131,047,639,092	130,813,359,035
210	I Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II Tài sản cố định		37,664,398,329	37,749,350,772
221	1 Tài sản cố định hữu hình	7	15,240,099,248	15,449,975,046
222	- Nguyên giá		20,081,647,671	20,081,647,671
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(4,841,548,423)	(4,631,672,625)
224	2 Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3 Tài sản cố định vô hình	8	2,659,090,950	2,659,090,950
228	- Nguyên giá		2,659,090,950	2,659,090,950
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
230	4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	19,765,208,131	19,640,284,776
240	III Bất động sản đầu tư	9	68,594,690,159	68,594,690,159
241	- Nguyên giá		71,629,221,575	71,629,221,575
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(3,034,531,416)	(3,034,531,416)
250	IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		21,881,752,600	21,881,752,600
251	1 Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		15,181,752,600	15,181,752,600
258	3 Đầu tư dài hạn khác	11	6,700,000,000	6,700,000,000
259	4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	-
260	V Tài sản dài hạn khác		2,906,798,004	2,587,565,504
270	Tổng cộng tài sản		463,007,898,141	445,676,324,698

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012

Đơn vị: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/03/2012	01/01/2012
	Nguồn vốn			
300 A	Nợ phải trả		166,672,903,880	152,260,174,713
310 I	Nợ ngắn hạn		166,467,685,643	150,677,489,933
311 1	Vay và nợ ngắn hạn	13	13,502,546,050	-
312 2	Phải trả cho người bán		28,987,443,472	40,380,794,657
313 3	Người mua trả tiền trước		9,902,294,513	15,443,793,044
314 4	Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước	14	23,386,492,697	23,596,483,856
315 5	Phải trả người lao động		0	1,154,013,636
316 6	Chi phí phải trả	15	40,178,365,820	41,650,889,663
317 7	Phải trả nội bộ		-	-
318 8	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD		-	-
319 9	Các khoản phải trả, phải nộp khác	16	48,868,222,188	25,895,844,752
320 10	Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
323 11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1,642,320,903	2,555,670,325
330 II	Nợ dài hạn		205,218,237	1,582,684,780
331 1	Phải trả dài hạn người bán		-	-
332 2	Phải trả dài hạn nội bộ		-	-
333 3	Phải trả dài hạn khác		-	-
334 4	Vay và nợ dài hạn		-	-
335 5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
336 6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm		205,218,237	205,218,237
337 7	Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
338 8	Doanh thu chưa thực hiện		0	1,377,466,543
400 B	Nguồn vốn chủ sở hữu		276,413,274,723	273,487,417,261
410 I	Vốn chủ sở hữu	17	276,413,274,723	273,487,417,261
411 1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		200,000,000,000	200,000,000,000
412 2	Thặng dư vốn cổ phần		22,123,458,400	22,123,458,400
413 3	Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
414 4	Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
415 5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416 6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417 7	Quỹ đầu tư phát triển		11,599,087,167	11,599,087,167
418 8	Quỹ dự phòng tài chính		5,784,543,584	5,784,543,584
419 9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420 10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		36,906,185,572	33,980,328,110
421 11	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
430 II	Nguồn kinh phí, Quỹ khác		-	-
400 C	Lợi ích của cổ đông thiểu số	17	19,921,719,538	19,928,732,724
	Tổng cộng nguồn vốn		463,007,898,141	445,676,324,698

Ghi chú: Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn.

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/03/2012	01/01/2012
1	Tài sản thuê ngoài		-	-
2	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5	Ngoại tệ các loại (USD)		-	-
6	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

*Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2012***Lập biểu****Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc****Lương Thị ánh Phượng****Nông Thị Thu Trang****Nguyễn Thanh Tùng**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH*Quý I năm 2012**Đơn vị tính: VND*

TT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ 01.01.2012 đến 31.03.2012	Từ 01.01.2011 đến 31.03.2011
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	39,846,799,358	7,394,031,293
2	Các khoản giảm trừ		-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ		39,846,799,358	7,394,031,293
4	Giá vốn hàng bán	19	32,547,623,788	5,578,102,845
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7,299,175,570	1,815,928,448
6	Doanh thu hoạt động tài chính	20	1,169,377,326	16,096,008,097
7	Chi phí hoạt động tài chính		-	-
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		-	-
8	Chi phí bán hàng		-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp		4,569,239,653	3,715,034,061
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3,899,313,243	14,196,902,484
11	Thu nhập khác		-	375,000,000
12	Chi phí khác		2,750,000	125,925
13	Lợi nhuận khác		(2,750,000)	374,874,075
14	Lợi nhuận trong Công ty liên doanh, liên kết		-	-
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3,896,563,243	14,571,776,559
16	Chi phí thuế thu nhập hiện hành	21	977,718,967	1,692,944,140
17	Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		-	-
18	Lợi nhuận sau thuế TNDN		2,918,844,276	12,878,832,419
19	Thu nhập/(lỗ) thuộc các cổ đông thiểu số		(7,013,186)	769,686,475
20	Thu nhập/(lỗ) sau thuế của Công ty	21	2,925,857,462	12,109,145,944
21	Lãi cơ bản trên cổ phiếu			

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2012

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lương Thị ánh Phượng

Nguyễn Thị Thu Trang

Nguyễn Thanh Tùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*Quý I năm 2012
(Theo phương pháp trực tiếp)*

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ 01.01.2012 đến 31.03.2012	Từ 01.01.2011 đến 31.03.2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		(8,533,545,880)	(187,700,793,036)
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		16,561,248,936	14,453,414,201
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ		(18,459,181,429)	(19,278,714,871)
3. Tiền chi trả cho người lao động		(4,119,302,938)	(4,369,880,532)
4. Tiền chi trả lãi vay			
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(189,370,628)	(581,456,107)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3,713,114,942	48,785,718,051
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(6,040,054,763)	(226,709,873,778)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(8,533,545,880)	(187,700,793,036)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		-	92,615,646,685
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác			(127,920,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			223,535,646,685
5. Tiền chi góp vốn đầu tư vào các đơn vị khác			(3,000,000,000)
6. Tiền thu hồi từ góp vốn đầu tư vào các đơn vị khác			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		-	92,615,646,685
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính			-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(8,533,545,880)	(95,085,146,351)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		19,577,097,783	102,462,621,097
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		11,043,551,903	7,377,474,746

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lương Thị ánh Phượng

Nông Thị Thu Trang

Nguyễn Thanh Tùng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2012

1 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Công ty cổ phần Xây dựng Sông Hồng là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 257/QĐ-BXD ngày 21 tháng 02 năm 2006 và Quyết định số 747/QĐ-BXD ngày 09 tháng 05 năm 2006 (sửa đổi Quyết định 257/QĐ-BXD) của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0100107042 ngày 17 tháng 04 năm 2006 (đăng ký lại lần thứ 8 ngày 17.09.2010) do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế kiến trúc tổng mặt bằng nội, ngoại thất; đối với công trình dân dụng công nghiệp;
- Thiết kế quy hoạch chung; quy hoạch tổng thể, chi tiết đối với khu đô thị, khu dân cư; Thiết kế san nền hệ thống thoát nước, đường nội bộ vào khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp;
- Thiết kế quy hoạch diện đô thị, nông nghiệp, xí nghiệp; Thiết kế cấp điện, chống sét đối với công trình xây dựng, dân dụng công nghiệp; Giám sát thi công xây dựng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Khảo sát địa chất công trình xây dựng
- Tư vấn thẩm tra, thẩm định, quy hoạch dự án đầu tư, kỹ thuật, bản vẽ thi công và tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, kỹ thuật hạ tầng đô thị và nội, ngoại thất; Kiểm định chất lượng công trình, thí nghiệm xây dựng;
- Thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, công trình ngầm, công trình và hệ thống điện, viễn thông và các công trình kỹ thuật khác, hoàn thiện công trình xây dựng;
- Khoan phá bê tông, phá dỡ công trình xây dựng, di chuyển nhà cửa; Tư vấn đầu tư (không bao gồm du lịch); Đầu tư kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng. Kinh doanh ăn uống. Kinh doanh lễ hành và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke);
- Đầu tư kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê. Môi giới, đấu giá bất động sản (không bao gồm dịch vụ tư vấn giá đất);
- Kinh doanh thiết bị dân dụng, công nghiệp, y tế, nguyên liệu, than, chất đốt; Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm gốm sứ, vật liệu xây dựng, sắt thép;
- Kinh doanh vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải; Cho thuê phương tiện vận tải, cho thuê thiết bị xây dựng hoặc thiết bị phá dỡ có kèm người điều khiển;
- Sửa chữa lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, cung cấp phụ tùng thay thế máy móc, thiết bị phục vụ ngành công, nông nghiệp, giao thông, vận tải, khai thác mỏ, cơ khí, thủy lợi, thủy điện, tự động hóa;

- Khai thác và chế biến khoáng sản, nông, lâm sản, thực phẩm, đồ gỗ dân dụng và công nghiệp, khai thác quặng kim loại đen phục vụ luyện gang thép, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm).
- Kinh doanh nhập khẩu các loại hàng hóa, thiết bị vật tư, vật liệu xây dựng, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, nông, lâm sản, thực phẩm, rượu bia, nước giải khát có cồn và có ga.
- Sàn giao dịch bất động sản; Định giá bất động sản; Tư vấn bất động sản; Quảng cáo bất động sản; Quản lý bất động sản;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính: các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng.

Vốn điều lệ của Công ty là: 200.000.000.000 đ (Hai trăm tỷ đồng). Trụ sở chính của Công ty tại 164 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

2 Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty và các Công ty con bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty đang áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp đích danh đối với chi phí công trình dở dang, theo

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SÔNG HỒNG

Địa chỉ: 164 Lò Đúc – Hai Bà Trưng – Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31.03.2012

phương pháp bình quân đối với nguyên vật liệu. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ được xác định cho từng công trình, hạng mục công trình như sau:

Đối với các công trình còn dở dang đến 31/03/2012 thì

$$\text{Chi phí SXKD dở dang cuối kỳ từng CT, HMCT} = \text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ từng CT, HMCT} + \text{Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ từng CT, HMCT}$$

Đối với các công trình, hạng mục công trình đã hoàn thành đã có quyết toán A-B hoặc có biên bản xác nhận khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành, thì:

$$\text{Chi phí dở dang cuối kỳ từng CT, HMCT} = \text{Chi phí dở dang đầu kỳ từng CT, HMCT} + \text{Chi phí phát sinh trong kỳ từng CT, HMCT} - \text{Giá thành định mức từng CT, HMCT}$$

Trong đó:

$$\text{Giá thành định mức từng CT, HCMT} = \text{Doanh thu ghi nhận từng CT, HMCT} \times \text{Tỷ lệ giao thầu cho từng CT, HMCT}$$

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư 203/2009/TT/BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Chế độ quản lý và trích khấu hao Tài sản cố định”.

Đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết:

Khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng số Công ty con 01 Công ty

- Số Công ty con được hợp nhất : 01 Công ty
- Số Công ty con không được hợp nhất : 0

Danh sách các Công ty con được hợp nhất : Tỷ lệ lợi ích (%) : Quyền biểu quyết(%)

- Công ty CP Thương mại Hàng da : 51,00% : 51,00%

Tổng số Công ty liên kết 02 Công ty

- Số Công ty liên kết hợp nhất : 00 Công ty
- Số Công ty liên kết không hợp nhất : 02 Công ty

Danh sách các liên kết không hợp nhất : Tỷ lệ lợi ích (%) : Quyền biểu quyết(%)

- Công ty cổ phần Đầu tư IP Việt Nam : 20% : 20%
- Công ty cổ phần Đầu tư IT Việt Nam : 30% : 30%

Nguyên nhân: Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty cổ phần Xây dựng Sông Hồng không thu thập được báo cáo tài chính của các Công ty liên kết này, do các đơn vị này chưa hoàn thành

Báo cáo tài chính quý I năm 2012. Tuy nhiên, Ban giám đốc Công ty cam kết rằng việc hợp nhất các Công ty này có ảnh hưởng không trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất của toàn Công ty và hiện tại các công ty này đều đang trong quá trình đầu tư, không có các vấn đề có thể ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả kinh doanh hợp nhất.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trễ khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan đến quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước.

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch. Các khoản phải trả và chi phí trích trước cũng được Công ty sử dụng để ghi nhận số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ Công ty đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn từ nhà cung cấp hay chưa.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Căn cứ để hạch toán doanh thu là Quyết toán A-B đối với các Công trình hoàn thành nghiệm thu hoặc Bản xác nhận khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành theo từng giai đoạn đối với các công trình có thời gian thi công dài. Giá trị hạch toán doanh thu là giá trị quyết toán công trình (không bao gồm thuế GTGT) mà Công ty được hưởng. Giá trị này không bao gồm các khoản vật liệu do chủ đầu tư cấp và các chi phí kiến thiết cơ bản khác do chủ đầu tư thực hiện

Doanh thu căn hộ:

Đối với các căn hộ mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã chuyển giao cho người mua. Đối với các căn hộ được bán trước khi xây dựng hoàn tất theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất và người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng, đồng thời chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường thì doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc năm tài chính. Giá vốn của các căn hộ được bán trước khi xây dựng hoàn tất được xác định căn cứ vào các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến đất đai và chi phí xây dựng ước tính để hoàn thành dự án căn hộ. Chi phí ước tính để xây dựng căn hộ được trích trước và các chi phí thực tế sẽ được ghi giảm vào tài khoản này.

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính
- Chi phí cho vay và đi vay vốn
- Các khoản lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành (25%).

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Theo Nghị quyết 34/2007/NQ-CP ngày 03/07/2007 của Chính Phủ về một số giải pháp để thực hiện việc cải tạo, xây dựng lại các chung cư cũ bị hư hỏng, xuống cấp, phần thu nhập của Công ty do việc đầu tư cải tạo khu tập thể Kim Liên cũ thuộc diện được miễn thuế thu nhập trong 4 năm và giảm 50% thuế TNDN phải nộp cho 04 năm tiếp theo.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế

Phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất từ các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con mà Công ty mẹ giữ quyền kiểm soát được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2012

Khi hợp nhất báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sẽ được hợp nhất theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, doanh thu, thu nhập khác và chi phí.

Số dư các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán của các giao dịch trong nội bộ được loại trừ. Giá trị ghi sổ khoản đầu tư của công ty mẹ trong từng công ty con và phần vốn của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con phải được loại trừ.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con bị hợp nhất được xác định và trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần nợ phải trả và phần vốn chủ sở hữu của cổ đông công ty mẹ.

Các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng công ty, bao gồm các khoản doanh thu, các khoản chi phí, cổ tức được loại trừ. Các khoản lãi chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ nằm trong giá trị còn lại của tài sản, như hàng tồn kho và tài sản cố định cũng được loại trừ. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được khấu trừ khi xác định giá trị ghi sổ của tài sản cũng được loại bỏ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SÔNG HỒNG

Địa chỉ: Số 164 - Lò Đức - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2012

3 Tiền và tương đương tiền

	31/03/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	2,469,711,816	3,829,030,500
Tiền gửi ngân hàng	2,573,840,087	2,748,067,283
Các khoản tương đương tiền	6,000,000,000	13,000,000,000
Cộng	11,043,551,903	19,577,097,783

4 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/03/2012	01/01/2012
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác	44,180,000,000	44,180,000,000
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	26,000,000,000	26,000,000,000
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(15,860,000,000)	(15,860,000,000)
Cộng	54,320,000,000	54,320,000,000

5 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/03/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu khác	3,919,468,255	3,919,468,255
Phải trả phải nộp khác (dư nợ)	8,289,289,825	8,289,289,825
Cộng	12,208,758,080	12,208,758,080

6 Hàng tồn kho

	31/03/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí xây lắp dở dang tại các công trình	151,335,792,606	148,316,712,792
Cộng	151,335,792,606	148,316,712,792

7 Tài sản cố định hữu hình (xem trang sau)**8 Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, phát minh	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng TSCĐ vô hình
I. Nguyên giá TSCĐ					
1. Số dư đầu năm	2,659,090,950	-	-	-	2,659,090,950
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	2,659,090,950	-	-	-	2,659,090,950
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	-	-	-	-	-
2. Khấu hao trong năm	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	-	-	-	-
III. Giá trị còn lại TSCĐ					
1. Tại ngày đầu năm	2,659,090,950	-	-	-	2,659,090,950
2. Tại ngày cuối năm	2,659,090,950	-	-	-	2,659,090,950

9 Bất động sản đầu tư (Trung tâm TM Hàng Đa)

	Số đầu năm	Số tăng	Số giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	71,629,221,575			71,629,221,575
<i>Nhà và quyền sử dụng đất</i>	71,629,221,575			71,629,221,575
Hao mòn lũy kế	3,034,531,416			3,034,531,416
<i>Nhà và quyền sử dụng đất</i>	3,034,531,416			3,034,531,416
Giá trị còn lại	68,594,690,159			68,594,690,159
<i>Nhà và quyền sử dụng đất</i>	68,594,690,159			68,594,690,159

10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/03/2012 VND	01/01/2012 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	19,765,208,131	19,640,284,776
<i>Công trình : Dự án Kim Liên giai đoạn 2</i>	121,371,818	121,371,818
<i>Công trình : Dự án Giải Phóng</i>	19,981,818	19,981,818
<i>Công trình : Dự án Đông Anh</i>	39,831,769	39,831,769
<i>Công trình : Dự án Hà Đông</i>	17,834,760	17,834,760
<i>Công trình : Dự án chợ Xuân La</i>	19,566,187,966	19,441,264,611
Sửa chữa lớn Tài sản cố định	-	-
Cộng	19,765,208,131	19,640,284,776

11 Đầu tư dài hạn khác

	31/03/2012 VND	01/01/2012 VND
Đầu tư dài hạn khác	6,700,000,000	6,700,000,000
<i>Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dầu khí Sông Hồng</i>	3,000,000,000	3,000,000,000
<i>Công ty cổ phần Tư vấn Incomex</i>	900,000,000	900,000,000
<i>Công ty cổ phần Điện lực dầu khí Bắc Kạn</i>	2,800,000,000	2,800,000,000
<i>Công ty cổ phần Xây lắp Incomex</i>	-	-
Cộng	6,700,000,000	6,700,000,000

Công ty cổ phần Xây dựng Sông Hồng tham gia góp vốn thành lập các Công ty trên theo giá gốc và đều tham gia vào quá trình sản xuất kinh của các Công ty này. Hiện tại, các Công ty trên vẫn đang hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường hoặc đang trong quá trình đầu tư.

12 Chi phí trả trước dài hạn

	31/03/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ sản xuất lâu bền	-	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	2,906,798,004	2,587,565,504
Cộng	2,906,798,004	2,587,565,504

13 Vay và nợ ngắn hạn

31/03/2012

01/01/2012

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SÔNG HỒNG

Địa chỉ: Số 164 - Lò Đức - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2012

	VND	VND
Vay ngắn hạn	13,502,546,050	-
<i>Vay Ngân hàng</i>	<i>13,502,546,050</i>	<i>-</i>
<i>Vay ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Nội</i>	<i>13,502,546,050</i>	
Cộng	13,502,546,050	

14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/03/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	580,758,749	769,686,679
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22,701,676,161	22,710,772,644
Thuế khác	2,010,848	2,010,848
Thuế thu nhập cá nhân	102,046,939	114,013,685
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Cộng	23,386,492,697	23,596,483,856

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế

15 Chi phí phải trả

	31/03/2012 VND	01/01/2012 VND
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	9,561,755,284	10,578,532,745
Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh	-	-
Chi phí phải trả khác	30,616,610,536	31,072,356,918
Cộng	40,178,365,820	41,650,889,663

16 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/03/2012 VND	01/01/2012 VND
Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
Kinh phí công đoàn	4,673,983	4,673,983
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	77,869,016	995,432
Nhận vốn góp kinh doanh dự án Xuân La	10,500,000,000	10,500,000,000
Các khoản phải thu khác	33,605,198	31,115,198
Cổ tức phải trả.	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	5,777,530	54,368
Các khoản phải trả, phải nộp khác	38,246,296,461	15,359,005,771
Cộng	48,868,222,188	25,895,844,752

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SÔNG HỒNG

Địa chỉ: Số 164 - Lò Đức - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2012

17 Vốn chủ sở hữu

	<i>Lợi ích của cổ đông thiếu số tại 31/03/2012</i>	<i>Số dư trên BCTC hợp nhất tại 31/03/2012</i>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	14,700,000,000	200,000,000,000
Quỹ đầu tư phát triển	-	11,599,087,167
Quỹ dự phòng tài chính	-	5,784,543,584
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	5,221,719,538	36,906,185,572
Cộng	19,921,719,538	254,289,816,323

18 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Quý I/2012</i>	<i>Quý I/2011</i>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2,243,705,926	-
Doanh thu của hợp đồng xây dựng	37,603,093,432	7,394,031,293
Cộng	39,846,799,358	7,394,031,293

19 Giá vốn hàng bán

	<i>Quý I/2012</i>	<i>Quý I/2011</i>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp	-	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	-
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	32,547,623,788	5,578,102,845
Cộng	32,547,623,788	5,578,102,845

20 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Quý I/2012</i>	<i>Quý I/2011</i>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1,169,377,326	16,096,008,097
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Cộng	1,169,377,326	16,096,008,097

21 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Quý I/2012</i>	<i>Quý I/2011</i>
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	977,718,967	1,692,944,140
Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước và kỳ hiện hành	-	-
Cộng	977,718,967	1,692,944,140

22 Những thông tin khác**1 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam. Số liệu này đã được phân loại lại để so sánh.

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2012

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc****Lương Thị ánh Phượng****Nông Thị Thu Trang****Nguyễn Thanh Tùng**

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SÔNG HỒNG

Địa chỉ: Số 164 - Lò Đức - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2012

7. Tài sản cố định hữu hình. Phụ lục 1

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PT vận tải truyền dẫn	TB, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng TSCĐ hữu hình
I. Nguyên giá TSCĐ						
1. Số dư đầu năm	11,482,284,619	-	6,949,647,279	1,493,230,655	156,485,118	20,081,647,671
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
- Mua sắm mới	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XD CB hoàn thành						-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-				-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	11,482,284,619	-	6,949,647,279	1,493,230,655	156,485,118	20,081,647,671
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	1,263,323,106	-	2,485,331,303	737,494,370	145,523,846	4,631,672,625
2. Khấu hao trong năm	86,622,414		116,817,711	6,435,673		209,875,798
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Bao gồm :						
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-		-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	1,349,945,520	-	2,602,149,014	743,930,043	145,523,846	4,841,548,423
III. Giá trị còn lại TSCĐ						
1. Tại ngày đầu năm	10,218,961,513	-	4,464,315,976	755,736,285	10,961,272	15,449,975,046
2. Tại ngày cuối năm	10,132,339,099	-	4,347,498,265	749,300,612	10,961,272	15,240,099,248
Trong đó giá trị TSCĐ mang thế chấp, cầm cố	- đ					
Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao còn sử dụng	1,339,562,251 đ					